

3. Cách đọc và viết những số ghi dung-tích :

Trong những số ghi dung-tích các đơn-vị ở liền nhau cũng hơn nhau hoặc kém nhau 10 lần, nên cách đọc và viết những số chỉ đơn-vị và dung-tích cũng giống như cách đọc và viết những số chỉ đơn-vị về phép đo chiều dài.

Bội-số		Đơn-vị chính		Ước-số	
Độc là	h/ da/	l	dl c/ ml	viết là	
3 da/	3	0		= 30 l	
5 dl/7 ml/		0	5 0 7	= 0 l, 507	

**BÀI TẬP**

1. Thực-hành :

- Ước lượng một chậu nước chứa được bao nhiêu lít, rồi dùng chai lít kiểm-soát lại.
- Ước lượng một rá gạo chứa được mấy lít hoặc mấy nửa lít rồi dùng cái lít hoặc cái nửa lít kiểm-soát lại.
- 2. Trong số 48 da/, 783 số nào chỉ h/, l, cl, dl?
- 3. Đọc những số sau đây : 3 l, 75 — 5 da/, 79 — 4 hl, 9857.
- 4. Viết những số sau đây (lấy đơn-vị l) :  
6 hl, 2l — 3 da/, 9 cl — 30 dl — 560 cl — 42.000 ml.

5. l chai chứa được 0 l, 6, 10 chai, 100 chai dung-tích bằng nhau chứa được bao nhiêu lít? bao nhiêu da/? bao nhiêu h/?

**TOÁN ĐO**

- 1. Một cơn mưa, tôi hứng được 4 hl, 80 nước; cơn mưa sau hứng được hơn cơn mưa trước 6 da/. Hỏi trong hai cơn mưa tôi hứng được bao nhiêu lít nước tất cả?
- 2. Một vòi nước chảy vào một cái hồ, mỗi giờ được 800 l nước. Sau 2 giờ còn phải đổ thêm 1 hl, 5 nữa mới đầy. Tìm dung-tích cái hồ.
- 3. Một nông-gia cân bắp thấy 1 h/ bắp nặng 72 kg. Ông bán 5 hl. Tìm số tiền thu được biết 1 kg bắp giá 4\$, 50.

**7. Đổi đơn-vị trong những số ghi dung-tích**

**NHÂN-XÉT VÀ SUY-LUẬN**

1. Đổi đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ :



Bà nội-trợ này vội nước mắm ra chai lít. Bà thấy thùng 20l. (2 da/) được 20 chai lít.

Nói khác' đi: Bà đã đổi đơn-vị dung-tích từ bậc lớn ra bậc nhỏ.

Thí-dụ khác : — Đổi 3 da/, 5 ra lít.  
3 da/, 5 = 35 l.

— Đổi 2 hl, 075 ra da/.  
2 hl, 075 = 20 da/, 75.

**GHI NHỚ :**

Muốn đổi đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ hơn 10, 100 hoặc 1.000 lần thì xê-dịch dấu phẩy, từ trái sang phải, 1, 2 hoặc 3 con số.

Đơn-vị nào thiếu thì thay bằng 1 con số 0.

2. Đổi đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn :



Em nhỏ đóng gạo đổ vào cái giạ (4 da/). Em thấy đồ 80 nửa lít thì đầy.

Nói khác' đi : Em đã đổi đơn-vị từ bậc nhỏ ra bậc lớn.

Thí-dụ khác : — Đổi 2 dl, 5 ra lít.  
2 dl, 5 = 0 l, 25

— Đổi 300 cl. ra lít.  
300 cl = 3 l.

**GHI NHỚ :**

Muốn đổi đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn hơn 10, 100 hoặc 1.000 lần thì xê-dịch dấu phẩy từ phải sang trái 1, 2 hoặc 3 con số.

Đơn-vị nào thiếu thì thay bằng 1 con số 0.





- Thực-hành : — Dùng cái lít đong gạo đổ vào cái déca-lít coi bao nhiêu lít thì đầy ?  
— Đổ 1 chai lít nước ra cái nửa lít coi được mấy nửa lít ?
- Đổi ra l : 3 h/5 ; 13 da/09 ; 70 dl ; 306 cl ; 700ml ; 2h/087.  
Đổi ra h/ : 800 cl ; 456 l. ; 45 da/97 ; 76.500ml ; 400 dl/95.
- Một cái chai chứa được 6 dl ; 10 chai được mấy lít ? 50 chai chứa được bao nhiêu da/ ?

TOÁN ĐO

- Cái hồ nhà tôi chứa được 2 h/5 nước. Chị tôi đổ vào đó 5 đôi nước. Hỏi còn thiếu bao nhiêu déca-lít nước nữa thì đầy ? (1 đôi: 2 thùng sắt tây, mỗi thùng 20 l.).
- Ông Sáu gặt được 300 gạ lúa. Lần đầu ông bán đi một nửa, lần sau bán kém lần trước 50 gạ. Hỏi : 1) Hai lần ông Sáu bán bao nhiêu gạ ? 2) Nếu bán mỗi gạ được 145\$, thì thu được bao nhiêu tiền ?

8. Học ôn :

- Mỗi loại lít này dùng để đong gì ?

Loại				
Đong	?	?	?	?

- Đong kịch mua bán, đong bằng lít :  
— Nhóm 1 : Bán gạo (1 trò đong gạo, vài trò mua 3 l, 5 l...)  
— Nhóm 2 : Mua nước mắm (1 trò đong nước mắm, vài ba trò mua 0 l, 5 — 2 l — 1 l, 50...).
- Đổi ra l. : 2 h/5 — 3 da/07 — 60 da/8 — 400 cl — 3.500 ml.  
— Đổi ra h/ : 3 l — 9 da/7 — 9.060 dl — 48.000 ml — 592 cl/8.
- Một lu nước dung-tích 1 h/6 ; đổ thêm 2 da/5 nữa thì đầy. Hỏi trong lu nước đã có bao nhiêu lít nước ?

1. Một hồ nước dung-tích 15 hl. Sau một cơn mưa thì đầy được  $\frac{1}{3}$  hồ. Hỏi còn cần phải đổ vào bao nhiêu da/ nữa mới đầy?

2. Một tiệm buôn 10 tấn nước mắm. Mỗi tấn chứa được 3 l, 5. Mỗi lít nước mắm giá 12\$. Tiệm ấy bán hết chỗ nước mắm thì thu được 460\$. Tìm tiền lời.

3. Mỗi ngày anh Tý uống 0,15 rượu đế. Giá mỗi lít rượu là 18\$. Nếu trong 30 ngày, anh không uống rượu thì tiết-kiệm được bao nhiêu tiền?

4. Thùng xăng xe máy dầu của ông Tư chứa sẵn 3 l, ông đã thêm 2 l, 50. Sau khi đi xa về chỉ còn 0 l, 75.

Hỏi : 1) Xe của ông Tư đã chạy hết mấy lít xăng?

2) Ông Tư phải tiêu bao nhiêu tiền mua số xăng ấy biết 1 lít xăng giá 10\$.

5. Mỗi tối bà Tư thắp đèn dầu lửa trong 3 giờ, mỗi giờ đốt hết 2 d/ dầu. Hỏi trong một tuần lễ bà Tư tiêu hết bao nhiêu tiền dầu lửa, biết 1 lít dầu giá 6\$?

## CHƯƠNG II

## 9. Mét vuông – Bội-số và ước-số của mét vuông

## NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

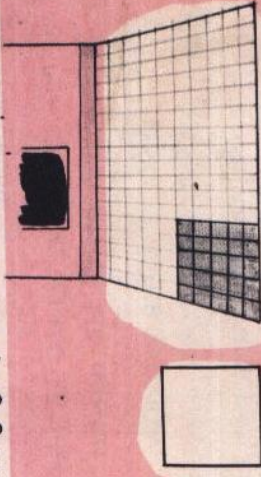
1. Ý-niệm về mét vuông:

Em hãy đếm coi mảnh giấy có mấy ô? Mỗi ô hình gì?

Em thấy nền nhà thường được lót gạch bông hình vuông.

Em đếm 25 viên gạch bông ghép liền thành hình vuông, rồi đo mỗi cạnh của hình vuông ấy thì thấy mỗi cạnh đúng 1 mét.

Kết-luận: Đó là hình một mét vuông. Mét vuông là một hình vuông mỗi cạnh đo được 1 mét.



**GHI NHỚ** : Mét vuông là đơn-vị chính để đo diện-tích.  
Mét vuông viết tắt là : m<sup>2</sup>.

2. Ước-số và bội-số của mét vuông :

Nếu em cắt những miếng giấy hình vuông mỗi cạnh đo được :

- 1 dm ; 1 cm ; 1 mm

em sẽ được hình 1 dm<sup>2</sup> ; 1 cm<sup>2</sup> ; 1 mm<sup>2</sup>.

Kết-luận : dm<sup>2</sup>, cm<sup>2</sup>, mm<sup>2</sup> là những ước-số của mét vuông.

— Em hãy tưởng-tượng ra một hình vuông lớn có cạnh 1 dam, 1 hm, 1 km em sẽ có hình 1 dam<sup>2</sup>, 1 hm<sup>2</sup>, 1 km<sup>2</sup>.

Kết-luận : dam<sup>2</sup>, hm<sup>2</sup>, km<sup>2</sup> là những bội-số của mét vuông.

**GHI NHỚ :** Những bội-số của mét vuông là:  $km^2$ ,  $hm^2$ ,  $dam^2$ ,  
 Những ước-số của mét vuông là:  $dm^2$ ,  $cm^2$ ,  $mm^2$ .

**Chú-y :** Những đơn-vị đo diện-tích không có thực-tại. Khi cần đến thì phải dùng phép toán về hình-học mà tìm.

**BÀI TẬP**

**1. Thực-hành.**

- Hãy dùng cái mét kẻ trên bảng đen một hình vuông cạnh  $1m$  (để biết diện-tích  $1m^2$ ).
- Cắt một miếng giấy màu, cạnh  $1dm$  (để biết diện-tích  $1dm^2$ ).
- Vẽ trên sân trường một hình vuông cạnh  $1dam$  (để biết diện-tích  $1dam^2$ ).

**2. Đo cạnh một viên gạch vuông rồi tính diện-tích.**

**TOÁN ĐO**

1. Chu-vi sân nhà em đo được  $16m$ . Diện-tích nền nhà em đo được  $36m^2$ . Hỏi diện-tích nền nhà hơn diện-tích sân bao nhiêu mét vuông, biết sân hình vuông.
2. Trên một thửa đất rộng  $540m^2$  có một căn nhà rộng  $48m^2$  và một cái sân rộng gấp đôi nhà; còn lại là vườn. Hỏi vườn rộng bao nhiêu mét vuông ?

**10. Sự liên-lạc giữa những đơn-vị ghi diện-tích cơ-bản 100**

**NHÂN-XÉT VÀ SUY-LUẬN**

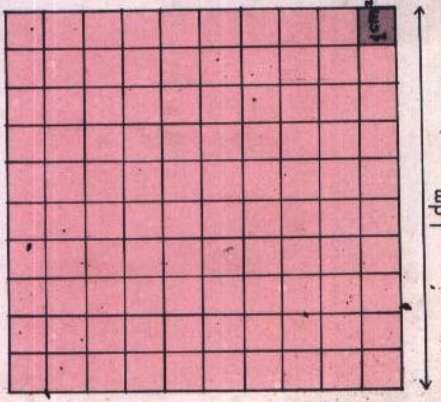
Em đếm thấy 100 ô vuông.

Nếu mỗi cạnh đo được  $1m$  (cạnh của  $1m^2$ ) thì đếm được 100  $dm^2$ .

Nếu mỗi cạnh đo được  $1dm$  (cạnh của  $1dm^2$ ) thì đếm được 100  $cm^2$ .

Nếu mỗi cạnh đo được  $1cm$  (cạnh của  $1cm^2$ ) thì đếm được 100  $mm^2$ .

Và, cứ như thế cho các bội-số của  $m^2$  thì thấy :



**GHI NHỚ :**

- $1 km^2 = 100 hm^2$
- $1 hm^2 = 100 dam^2 = 0km^2,01$
- $1 dam^2 = 100 m^2 = 0hm^2,01$
- $1 m^2 = 100 dm^2 = 0dam^2,01$
- $1 dm^2 = 100 cm^2 = 0m^2,01$
- $1 cm^2 = 100 mm^2 = 0mm^2,01 = 0m^2,000.1$
- $1 mm^2 = 1 m^2 = 1.000.000 mm^2 = 0 cm^2,01 = 0m^2,000.001$

Những đơn-vị ghi diện-tích lớn bằng 100 lần đơn-vị ở liền dưới, và nhỏ hơn đơn-vị ở liền trên 100 lần.

Nói vắn-tắt : ở liền nhau thì những đơn-vị ghi diện-tích lớn hơn hoặc nhỏ hơn nhau 100 lần.

Như vậy nói rằng :

Đi-tên là: Cú Quang Lu

Sinh năm 1955 tại ĐP

**GHI NHỚ :** Những đơn-vị ghi diện-tích theo cơ-bản 100.  
Mỗi đơn-vị ghi diện-tích được biểu-thị bằng 2 con số 0.

**BAI TẬP**

1. Thực-hành **FK**  
Vẽ trên giấy một hình vuông cạnh 1 dm, chia ra làm 100 ô vuông đều nhau để chứng-minh:  $1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2$   
Vẽ trên sân một hình vuông cạnh 1 m, chia ra làm 100 ô vuông đều nhau để chứng-minh:  $1 \text{ m}^2 = 100 \text{ dm}^2$
2. 5 dm vuông = ... cm vuông ; 10 m vuông = ..... dm vuông ;  
7 hm vuông = ... m vuông ; 2 km vuông = ..... dam vuông.
3. Một khu đất rộng 50 dam<sup>2</sup> có thể chia thành bao nhiêu lô nhỏ 25 m<sup>2</sup> ?

**TOÁN ĐÒ**

1. Một cửa kính có gán 6 miếng kính, diện-tích mỗi miếng là 12 dm<sup>2</sup>. Hỏi tiền mua kính hết bao nhiêu biết 1 m<sup>2</sup> kính giá 80\$.
2. Phòng học nhà em rộng 4 m, dài 5 m có lát gạch bông vuông, mỗi cạnh 2 dm. Hỏi tất cả có bao nhiêu viên gạch ?
3. Chú Hai thuê trảng xi-măng một cái sân tốn 1.040\$, trong số có 200\$ tiền công thợ, còn lại là tiền cát và xi-măng. Tính diện-tích cái sân biết tiền mua cát và xi-măng trảng 1 mét vuông là 60\$.

**11. Cách đọc những số ghi diện-tích**

**NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN**

- Nhớ lại : - Mỗi đơn-vị ghi diện-tích gồm một đoạn 2 con số.
- Đoạn nào thiếu hoàn toàn thì thay bằng 2 con số 0.
- Đoạn nào thiếu 1 số thì thay bằng 1 con số 0.

Cách đọc những số ghi diện-tích :

Phần số Nguyên 57 m<sup>2</sup> 86 75 → 57 m<sup>2</sup> 86 dam<sup>2</sup> 75 cm<sup>2</sup>  
Phần số Thập-phân 24 (dm) / 24 dam<sup>2</sup> 95 7 → 24 dam<sup>2</sup> 95 m<sup>2</sup> 70 dm<sup>2</sup>

Qua ví dụ

- Em nhận-xét thấy ở thí-dụ 1 : Trong phần số thập-phân có 2 đoạn, mỗi đoạn có 2 con số, kẻ từ bên phải sang bên trái dấu phẩy.
- Em đọc phần số nguyên trước kèm theo đơn-vị chính, rồi đọc riêng từng đơn-vị của phần thập-phân :

Số 57 m<sup>2</sup>, 86 75 .. được đọc là .... 57 m<sup>2</sup> 86 dam<sup>2</sup>, 75 cm<sup>2</sup>.

— Em có thể đọc phần số nguyên kèm theo đơn-vị chính, rồi đọc tất cả các con số thập-phân kèm theo tên đơn-vị cuối cùng:

Số  $57\text{ m}^2, 86\text{ 75} \dots$  được đọc là  $\dots 57\text{ m}^2, 8675\text{ cm}^2$ .

— Em nhận-xét thấy ở thí-dụ 2 : Trong phần số thập-phân, đơn-vị cuối cùng cũng  $\text{dm}^2$  chỉ có con số 7 ; cần phải thêm 1 con số 0 nữa (vì phải có 2 con số cho mỗi đơn-vị).

— Em đọc phần số nguyên rồi đến phần thập-phân :

Số  $24\text{ dam}^2, 957$  đọc là :  $24\text{ dam}^2\ 95\text{m}^2\ 70\text{ dm}^2$  hoặc là :  $24\text{ dam}^2, 9570\text{ dm}^2$ .

### BAI TẬP

1. Đọc những số sau đây, lấy đơn-vị là  $\text{m}^2$  :  
 $4\text{ dm}^2$ ;  $2\text{ dam}^2$ ;  $37\text{ hm}^2$ ;  $645\text{ cm}^2$ ;  $650.150\text{ mm}^2$ ;  $4\text{ km}^2\ 02$ .
2. Có bao nhiêu  $\text{dm}^2$  trong :  $2\text{ m}^2$ ;  $45\text{ m}^2$ ;  $4\text{ dam}^2$ ;  $3\text{ km}^2$ .
3. Có bao nhiêu  $\text{cm}^2$  trong :  $5\text{ m}^2$ ;  $4\text{ dm}^2, 6$ ;  $7\text{ dm}^2$ ;  $500\text{mm}^2$ .

### TOÁN ĐO

1. Em Mai có một tờ giấy màu rộng  $40\text{ dm}^2$ ; em cắt thành những mảnh nhỏ hình vuông cạnh  $2\text{ cm}$ . Hỏi em Mai cắt được bao nhiêu mảnh ?
2. Một nền nhà lát gạch bông vuông, cạnh  $2\text{ dm}$ ; tất cả có  $350$  viên. Tìm diện-tích nền nhà tính ra  $\text{m}^2$ . Lát  $1\text{m}^2$  thì tốn  $240\text{đ}$ . Hỏi lát cả nền nhà thì tốn bao nhiêu ?

## 12. Cách viết những số ghi điện-tích

### NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



- Em viết các đơn-vị từ lớn đến nhỏ, mỗi đơn-vị 2 con số; đơn-vị nào thiếu hoàn-toàn thì thay bằng 2 con số 0. Đơn-vị nào thiếu 1 con số thì thêm 1 con số 0 vào bên trái số đã có sẵn.
- Khi viết đến đơn-vị chính thì viết tên đơn-vị, đặt dấu phẩy rồi mới tiếp-tục viết những đơn-vị khác.

### BẢNG TÓM TẮT

$\text{km}^2$	$\text{hm}^2$	$\text{dam}^2$	$\text{m}^2$	$\text{dm}^2$	$\text{cm}^2$	$\text{mm}^2$	Lấy m làm đơn-vị chính thì viết là :
		09	05	47			— $905\text{m}^2, 47$
			00	04	00	13	— $0\text{m}^2, 040013$
02	85	09	86	00	94		— $2850986\text{m}^2, 0094$

### 13. Đơn vị trong những số ghi diện tích

#### ĐỔI ĐƠN-VỊ NHỎ RA ĐƠN-VỊ LỚN

##### NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

##### 1. Câu chuyện :

Lan: Chị Thu, em đó  
chị biết tám bản-  
đồ này bao nhiêu  
mét vuông?

Thu: Bản-đồ này dài  
chừng 10cm, rộng  
8cm ; diện-tích  
được 80cm<sup>2</sup> ; đề

chị tính coi đã rồi mới trả lời đích xác được.

Chị Thu làm bản : 80 cm<sup>2</sup> 00 dm<sup>2</sup> 00m<sup>2</sup>, rồi nói : Bản  
đồ này rộng 0m<sup>2</sup>, 0080.

Kết-luận : Chị Thu đã đổi đơn-vị những số ghi diện-tích từ  
đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn.

— Chị đọc bắt đầu từ phải sang trái, lần lượt các đơn-vị  
(mỗi đơn-vị 2 con số) ; đơn-vị nào thiếu hoàn toàn thì  
được chị thay bằng 2 con số 0.

— Chị đặt dấu phẩy ngay sau đơn-vị m<sup>2</sup> (lấy làm đơn-vị  
chánh tức là đơn-vị muốn đổi).

##### 2. Thí-dụ khác :

Đổi 2m<sup>2</sup>, 45 ra km<sup>2</sup> thì được : 0km<sup>2</sup>, 00 00 02 45.

Trong thí-dụ này đơn-vị m<sup>2</sup> thiếu 1 con số nên phải thay  
bằng 1 con số 0 viết liền trước; đơn-vị dam<sup>2</sup>, hm<sup>2</sup> thiếu  
hoàn toàn nên phải thay mỗi đơn-vị bằng 2 con số 0 ;  
dấu phẩy được dịch 6 hàng (6 con số) từ phải sang trái.

##### BÀI TẬP

1. Lấy m<sup>2</sup> làm đơn-vị chánh, viết những số sau đây :  
5 m<sup>2</sup> 63 dm<sup>2</sup> ; 4 dam<sup>2</sup> 9 m<sup>2</sup> ; 8 km<sup>2</sup> 7 hm<sup>2</sup> ; 6.150 cm<sup>2</sup>.
2. Lấy cm<sup>2</sup> làm đơn-vị chánh, viết những số sau đây :  
2 m<sup>2</sup> ; 5 dm<sup>2</sup> ; 2 dam<sup>2</sup> ; 4 m<sup>2</sup> 20 dm<sup>2</sup> ; 6 hm<sup>2</sup> 89 dam<sup>2</sup> ;  
3 hm<sup>2</sup> 67 dam<sup>2</sup> 13 m<sup>2</sup> ; 3 km<sup>2</sup> 97 m<sup>2</sup> 89 mm<sup>2</sup>.
3. Lấy dam<sup>2</sup> làm đơn-vị chánh, viết những số sau đây :  
8.700 m<sup>2</sup> ; 35 m<sup>2</sup> 5 dm<sup>2</sup> ; 2 hm<sup>2</sup> 47 m<sup>2</sup> ; 4 km<sup>2</sup> 3 hm<sup>2</sup> ; 3 km<sup>2</sup>  
9 dam<sup>2</sup> 56 dm<sup>2</sup>.

##### TOÁN ĐỒ

1. Ông Hai lát ván một sân lâu dài 5m rộng 4m bằng những  
mảnh ván hình chữ nhật, diện-tích 100dm<sup>2</sup>. Hỏi số mảnh  
ván ông Hai cần dùng là bao nhiêu ?
2. Một căn nhà có 3 cửa sổ, mỗi cửa có lớp 4 miếng kính  
dài 30cm, rộng 2dm. Hỏi phải tốn bao nhiêu tiền, biết  
1m<sup>2</sup> kính giá 80\$.



### GHI NHỚ :

- Muốn đổi một đơn-vị ghi diện-tích ra một đơn-vị lớn hơn thì dịch dấu phẩy từ phải sang trái, 2, 4, 6... con số.
- Đơn-vị nào thiếu hoàn toàn thì thay bằng 2 con số 0.
- Đơn-vị nào thiếu 1 con số thì thay bằng 1 con số 0.

### BÀI TẬP

- Thực-hành :
  - Em hãy dùng cái decimét đôi, đo kích thước bàn thầy giáo, rồi tính diện-tích ra mét vuông.
  - Em hãy dùng cái mét đo kích thước lớp học, rồi tính diện-tích ra dam<sup>2</sup>, ra hm<sup>2</sup>.
- Đổi ra m<sup>2</sup> : 2.500 mm<sup>2</sup> ; 95 cm<sup>2</sup>, 76 ; 3 dm<sup>2</sup>, 0978.
- Đổi ra km<sup>2</sup> : 4 hm<sup>2</sup>, 75 ; 92 dam<sup>2</sup>, 89 ; 0 m<sup>2</sup>, 9.756. 60.000 dm<sup>2</sup> ; 756.000 cm<sup>2</sup> ; 195.000 mm<sup>2</sup>.

### TOÁN ĐỒ

- Một thửa ruộng hình chữ nhật dài 125 m, rộng 80 m. Tính diện-tích ruộng ra km vuông.
- Ông Vinh có một thửa đất rộng 300 m<sup>2</sup> và một cái vườn rộng 1 dam<sup>2</sup>, 5. Ông bán đồ đồng được 5.300\$ một dam<sup>2</sup>. Hỏi ông thu được bao nhiêu tiền ?
- Trò Mai có một tờ giấy màu hình chữ nhật dài 0m,40 rộng 25 cm. Em cắt thành hình vuông 25 cm<sup>2</sup>. Hỏi em sẽ được bao nhiêu miếng nhỏ ?

## 14. Đơn-vị trong những số ghi diện-tích

### ĐỔI ĐƠN-VỊ LỚN RA ĐƠN-VỊ NHỎ

#### NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

##### 1. Bài dẫn giải :

Trò Minh có một miếng giấy màu hình chữ nhật dài 2 dm, rộng 1 dm, 5. Em muốn cắt thành những miếng 20 cm<sup>2</sup> để làm thủ-công. Em muốn biết trước sẽ được bao nhiêu miếng thì phải làm cách nào ?

- Cách làm : — Em làm toán : 2 dm × 1 dm, 5 = 3 dm<sup>2</sup>.  
— Em đổi 3 dm<sup>2</sup> ra cm<sup>2</sup>, được 300 cm<sup>2</sup>.  
— Em chia : 300 : 20 = 15 miếng.

(Khi đổi 3 dm<sup>2</sup> ra 300 cm<sup>2</sup>, em đọc lần lượt các đơn-vị, bắt đầu từ số 3 : 3 dm<sup>2</sup> 00 cm<sup>2</sup>; 3 dm<sup>2</sup> = 300 cm<sup>2</sup>).

Kết-luận : Trò Minh đã đổi đơn-vị ghi diện-tích từ đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ.

- Đơn-vị cm<sup>2</sup> không có, em thay bằng 2 con số 0.

- Thí-dụ khác : Đổi 3 m<sup>2</sup> 6 dm<sup>2</sup> 25 mm<sup>2</sup> ra cm<sup>2</sup>.  
3 m<sup>2</sup> 6 dm<sup>2</sup> 25 mm<sup>2</sup> = 30.600 cm<sup>2</sup> 25

Trong thí-dụ này : Đơn-vị dm<sup>2</sup> thiếu một con số nên phải thay bằng 1 con số 0 viết bên trái số 6.

Đơn-vị cm<sup>2</sup> thiếu tất cả, nên phải thay bằng 2 con số 0.





Sau đơn-vị  $\text{cm}^2$  lấy làm đơn-vị chính phải đánh dấu phẩy và viết tiếp đơn-vị  $\text{mm}^2$ . Dấu phẩy được dịch 4 hàng (4 con số) từ trái sang phải.

**GHI NHỚ :** — Muốn đổi một đơn vị ghi diện-tích ra một đơn vị nhỏ hơn thì dịch dấu phẩy từ trái sang phải 2, 4, 6... con số.

— Đơn-vị nào hoàn toàn thiếu thì thay bằng 2 con số 0. Nếu thiếu 1 con số thì thay bằng 1 con số 0.

#### BAI TẬP

##### 1. Thực-hành :

— Hãy dùng cái mét đo chiều dài, chiều rộng lớp em, tính diện-tích ra mét vuông, rồi đổi ra  $\text{cm}$  vuông.

— Hãy dùng cái déci-mét đổi đo kích thước cuốn vở của em.

Tìm diện-tích ra  $\text{cm}$  vuông rồi đổi ra  $\text{mm}$  vuông.

2. Đổi ra  $\text{m}^2$  :  $3 \text{ km}^2, 75$  ;  $5 \text{ hm}^2, 80$  ;  $60 \text{ dam}^2$  ;  $0 \text{ km}^2, 856$ .

3. Đổi ra  $\text{cm}^2$  :  $1 \text{ km}^2$  ;  $2 \text{ hm}^2, 18$  ;  $3 \text{ dam}^2, 7$  ;  $6 \text{ m}^2, 04$  ;  $4 \text{ dm}^2, 0374$ .

#### TOÁN ĐỒ

1. Cuốn sách toán của em dài bao nhiêu  $\text{cm}$ , rộng bao nhiêu  $\text{cm}$  ? Tìm diện-tích sách coi được bao nhiêu  $\text{dm}^2$ ,  $\text{cm}^2$ ,  $\text{mm}^2$  ?

2. Ông Lý có một lô đất rộng  $81 \text{ dam}^2, 60$ , ông chia thành từng lô  $80 \text{ m}^2$  và bán mỗi lô  $4.500\$$ .

Hỏi : 1) Có bao nhiêu lô đất ? 2) Được bao nhiêu tiền ?

## 15. Học ôn



### 1. Thực-hành :

Hãy dùng dây xích-đạc 1 dam đo sân trường, rồi tính ra  $\text{m}^2$ ,  $\text{dam}^2$ .

2. Thêm vào hoặc bớt đi cho đủ :

$1 \text{ cm}^2$	$1 \text{ m}^2$	$1 \text{ dam}^2$	$1 \text{ km}^2$
$3 \text{ mm}^2 + (?)$	$250 \text{ dam}^2 - (?)$	$109 \text{ m}^2 - (?)$	$90 \text{ hm}^2 + (?)$
3. Đổi ra $\text{m}^2$ : $2 \text{ km}^2, 5$ ; $6 \text{ hm}^2, 98$ ; $0 \text{ dam}^2, 05$ ; $450 \text{ dm}^2$ $0 \text{ cm}^2, 45$ ; $90.000 \text{ mm}^2$ .			

#### TOÁN ĐỒ

1. Một miếng vải hình chữ nhật dài  $1 \text{ m}, 2$ , rộng  $0 \text{ m}, 75$ . Người ta cắt bớt một miếng rộng  $0 \text{ m}^2, 50$ . Hỏi còn lại bao nhiêu ?

2. Trên một vườn vuông cạnh  $15 \text{ m}$  có một sân vuông cạnh  $4 \text{ m}$ .

Tính ra  $\text{dam}^2$  diện-tích còn lại của cái vườn.

3. Một căn phòng rộng  $3 \text{ m}^6$ , chu-vi  $16 \text{ m}, 16$ . Tìm diện-tích căn phòng.

4. Trên một trang giấy trắng hình chữ nhật  $0 \text{ m}, 22 \times 0 \text{ m}, 16$  có dán một miếng giấy thủ-công hình bình-hành cao  $2 \text{ cm}, 5$ , chiều năm  $4 \text{ cm}$ . Hỏi diện-tích giấy trắng còn lại là bao nhiêu ?

5. Ông Đức có một miếng đất hình chữ nhật dài  $60 \text{ m}$ , rộng  $32 \text{ m}, 5$ , ông bán một nửa được  $2.400\$$  một  $\text{dam}^2$ , một nửa được  $30\$$  một  $\text{m}^2$ . Hỏi ông Đức thu tất cả được bao nhiêu tiền ?

### CHƯƠNG III

## 16. Cao tây - sào tây - mẫu tây

### CÁCH ĐỌC VÀ VIẾT NHỮNG ĐƠN-VỊ ĐO RUỘNG ĐẤT

#### NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

1. Những đơn-vị đo ruộng đất :



Bác nông-phu này đang ngắm ruộng lúa. Bác tự nhủ :  
« Năm nay lúa tốt, may ra mỗi sào gặt được trội hơn năm  
rồi vài ba chục kí lúa. Sang năm ta cố mua thêm 2 sào 3  
cao nữa cho đủ một mẫu ».

Nhận xét : Bác nông-phu nói đến cao (tây), sào (tây),  
mẫu (tây).

Kết-luận : Cao, sào, mẫu là những đơn-vị ghi diện-tích  
ruộng đất.

Carvats

### TÓM TẮT

Đơn-vị	viết tắt là	do tiếng	trị-số bằng
Mẫu tây	ha	hectare	100a
Sào tây	a	are	100ca
Cao tây	ca	centiare	$\frac{1}{100}a$

**GHI NHỚ :** Những đơn-vị đo ruộng đất hơn nhau hoặc kém nhau 100 lần.

— Mỗi đơn-vị đo ruộng đất được biểu-thị bằng một đoạn 2 con số, tức là theo cơ-bản 100 (cũng như những đơn-vị đo diện-tích thường).

2. Cách đọc những số ghi diện-tích ruộng đất cũng giống như cách đọc những số ghi diện-tích thường.

**Thí-dụ :** — 5ha, 7683 đọc là ... 5ha 76a 83ca hoặc là 5ha 7683ca.  
— 8 ha, 245 đọc là ... 8ha 24a 50ca hoặc là 8ha 2450ca.

**Chú ý :** Đơn-vị cuối cùng thiếu 1 con số nên phải thêm 1 con số 0 vào bên phải.

3. Cách viết những đơn-vị đo ruộng đất cũng giống như cách viết những đơn-vị đo diện-tích thường.

**Thí-dụ :** — Lấy đơn-vị là a : 3ha 65a 24ca = 365a,24.  
— Lấy đơn-vị là ca : 3ha 00a 24ca = 30.024ca.

**Chú ý :** Đơn-vị nào thiếu một con số thì thay thế bằng 1 con số 0 viết ngay liền trên.

Đơn-vị nào thiếu cả 2 con số thì thay thế bằng 2 con số 0.

BÀI TẬP

- Kẻ những đơn-vị đo ruộng đất.
- Những đơn-vị đo ruộng đất theo cơ-bản 100 nghĩa là thế nào ?
- Tính ra  $a$  :  $2 \text{ ha}, 5$  ;  $800 \text{ ca}$  .  
 $\text{ha} : 500 \text{ a} ; 5.000 \text{ ca}$  .  
 $\text{ca} : 1 \text{ ha}, 8$  ;  $45 \text{ a}$  .
- Thêm vào hoặc bớt đi cho đủ :

1 ha	1 a	5 ha	5 a
$25 \text{ a} + (\dots ?)$	$185 \text{ ca} - (?)$	$4 \text{ ha}, 8 + (?)$	$754 \text{ ca} - (?)$

TOÁN ĐO

- Ông Nam cấy  $1 \text{ ha}, 5$  lúa, mỗi ha gặt được  $1.400 \text{ kg}$  lúa. Hỏi ông Nam gặt được bao nhiêu kg lúa ?
- Một nông-gia trồng mía, mỗi a được  $60 \text{ kg}$ , ông nói : « Nếu tôi trồng thêm được nửa ha thì tôi được  $7.500 \text{ kg}$  ». Hỏi thửa ruộng của ông rộng bao nhiêu a ?

Chỉ-dẫn : Hãy tìm xem tất cả ruộng và nửa ha được bao nhiêu ha, rồi trừ đi.

## 17. Đòi đơn-vị trong những số ghi diện-tích ruộng đất

NHÂN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

1. Đòi đơn-vị :

Nông-gia A nói với nông-gia B : Tôi có  $58$  sào mía. Anh có mấy sào bắp ?

Nông-gia B : Tôi có nửa mẫu.

Nông-gia A : Vậy tôi hơn anh..... sào.

— Em hãy trả lời giúp nông-gia A.

— Em tính : Nửa mẫu tức là  $0 \text{ há } 5$  , đòi ra sào thì được  $50$  sào.

Nông-gia A hơn nông-gia B  $8$  sào.

Kết-luận : Em đã đòi đơn-vị trong những số ghi ruộng đất từ đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ.

1. Đòi đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ :

Thí-dụ :  $1 \text{ ha}, 5 = 150 \text{ a}$  ;  $1 \text{ ha } 2 \text{ a } 7 \text{ ca} = 102 \text{ a}, 07$ .

2. Đòi đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn :

Thí-dụ :  $1 \text{ a}, 25 = 0 \text{ ha}, 0125$  ;  $28 \text{ ca} = 0 \text{ ha}, 0028$ .



**GHI NHỚ :** Cách đổi đơn-vị trong những số ghi ruộng đất cũng giống như cách đổi đơn-vị trong những số ghi diện-tích thường.

**BÀI TẬP**

1. Đổi ra ca : 2 ha,75 ; 3 a,09 ; 3 ha,9 ca.
2. Đổi ra a : 2 ha,04 ; 760 ca ; 0 ha,45 ca.
3. Đổi ra ha : 27 a ; 3.700 ca ; 4 a,75 ca.
4. Đã có 12 a,50 thì phải thêm bao nhiêu a nữa cho đủ nửa ha ? Phải bớt đi bao nhiêu đề để còn lại 500 ca ?

**TOÁN ĐO**

1. Chú Bình trồng 2 ha,75 mía. Mỗi a chú thu được 70 kg mía. Hỏi chú thu được tất cả bao nhiêu kg mía ?
2. Ông Hiếu trồng 1 ha đậu phộng được 2.500 kg, đem bóc vỏ đi cân thì thấy 100 kg trái đậu phộng được 80 kg hạt. Hỏi nếu chỉ trồng 1 a thì được bao nhiêu kg hạt ?

**18. Học ôn**



1. Ngày thứ Hai anh nông-phu này cày được 2 a,75 ruộng, ngày thứ Ba, anh cày được 2 a,25. Hỏi trong 2 ngày anh cày được bao nhiêu tất cả ?

2. Chỉ cho biết số nào sai, số nào đúng :

Đổi đơn-vị		Sai	Đúng
3 ha,5	305 a		
6 a,7	670 ca		
2 a,24 ca	204 ca		
503 ca	0 ha,503		
6 ha,7 ca	60007 ca		

3. Làm những bài toán sau đây :

$$7 \text{ ha},5 + 0 \text{ a},7 = \dots\dots\dots; \quad 9 \text{ a}6 \text{ ca} + 7 \text{ ha} = \dots\dots\dots$$

$$94 \text{ ha},7 - 18 \text{ a},6 = \dots\dots\dots; \quad 34 \text{ a}7 \text{ ca} - 100 \text{ ca} = \dots\dots\dots$$

TOÁN ĐO

1. Một nông-gia trồng hai ruộng mía diện-tích 1 ha, 07 và 78 ha 5 ca. Mỗi ha được 60 tấn mía. Hỏi nông-gia này được bao nhiêu tấn mía?
2. Bác Hai cấy 0 ha, 75 lúa, vì mất mùa nên chỉ gặt được 30 gia lúa. Hỏi nếu bác cấy 1 a thì thu được bao nhiêu lít lúa?
3. Ông Phú chia đất cho 2 con, con lớn được 3 ha, 75, con nhỏ được kém con lớn 25 a. Hỏi thửa ruộng của ông Phú rộng bao nhiêu ha?
4. Ông Quý có 1 ha, 65 ruộng, ông chia làm 2 lô; lô thứ nhất rộng hơn lô thứ nhì 0 ha, 25. Lô thứ nhất bán được 200\$ một a; lô thứ nhì bán được tất cả 25.000\$. Tìm giá thửa ruộng.
5. Một người đổi một thửa ruộng 42 a, giá 250\$ một a lấy một thửa vườn chữ nhật dài 60 m, 5, rộng 42 m, giá 45\$ một mét vuông. Hỏi người ấy thiệt hay lợi? bao nhiêu tiền?

19. So-sánh những đơn-vị đo ruộng đất

VỚI NHỮNG ĐƠN-VỊ ĐO DIỆN-TÍCH THƯỜNG  
ĐỐI ĐƠN-VỊ ĐO DIỆN-TÍCH RA ĐƠN-VỊ  
ĐO RUỘNG ĐẤT VÀ NGƯỢC LẠI

1. So-sánh những đơn-vị đo ruộng đất với những đơn-vị đo diện-tích thường

BẢNG SO SÁNH

1 hm <sup>2</sup>	1 ha
1 dam <sup>2</sup>	1 a
1 m <sup>2</sup>	1 ca

Đơn-vị đo diện-tích thường	km <sup>2</sup>	hm <sup>2</sup>	dam <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>	dm <sup>2</sup>	cm <sup>2</sup>	mm <sup>2</sup>
Đơn-vị đo ruộng đất		ha	a	ca			



**GHI NHỚ :** — Các đơn-vị đo diện-tích thường và các đơn-vị đo ruộng đất đều theo cơ-bản 100.  
— Có 7 đơn-vị đo diện-tích thường.  
— Có 3 đơn-vị đo ruộng đất.

## 2. Đơn vị (l)

Thí dụ :  $Đôi a \text{ ra } m^2 : 25a,75 = 25 \text{ dam}^2, 75 = 2.575m^2$

$Đôi hm^2 \text{ ra } a : 9 \text{ hm}^2,5 = 950 \text{ dam}^2 = 950a$

Lời chú : Khi đã thông-thạo rồi thì có thể đổi thẳng, không cần qua đơn-vị tương-đương. Thí-dụ :  $25a, 75 = 2575m^2$  (không qua dam<sup>2</sup>).

## BAI TẬP

1. Đổi ra m<sup>2</sup> : 2 a,5 ; 92 ca ; 5ha, 07.
2. Đổi ra ca : 45 m<sup>2</sup> ; 2 dam<sup>2</sup> ; 8 hm<sup>2</sup>,9 ; 1 km<sup>2</sup>, 9856.
3. Thêm vào cho đủ 1 a :  
 $67m^2 \rightarrow 1a ; 0dam^2,78 \rightarrow 1a ; 800.000cm^2 \rightarrow 1a = 1a.$
4. Bớt đi cho đủ 2 m<sup>2</sup> :  
 $0 \text{ ha},05 - \dots = 2 \text{ m}^2 ; 1 \text{ a},9 - \dots = 2 \text{ m}^2 ; 7 \text{ ca} - \dots = 2 \text{ m}^2.$

## TOÁN ĐỒ

1. Tìm tiền bán một vườn hình chữ nhật 24 m × 25 m, giá 1 sào tây là 8.500\$.
2. Một ruộng hình chữ nhật chiều rộng là 75 m. Giá ruộng là 15.000\$. Tìm chiều dài biết 1 mẫu tây giá 25.000\$.

## 20. Học ôn

Thực-hành : Tìm diện-tích sân trường, lớp học.

Toán 1 : Đo ; Toán 2 : Biên chép ; Toán 3 : Tính diện-tích ; Toán 4 : Đơn vị (ra a, ca, m<sup>2</sup> vv...)

## TOÁN ĐỒ

1. Ba anh Xuân có 3 ha, 6 đất. Ông bán bớt đi  $\frac{1}{3}$  thì còn lại bao nhiêu mét vuông ?
2. Một người có 3a, 25 vừn, bán đi 1a,75 được 20\$ một cao tây, chỗ còn lại giá 3.000\$ 1 sào tây. Tìm số tiền thu được nếu bán hết.
3. Ông Tín bán  $\frac{1}{3}$  thửa ruộng được 4.000\$, một mét vuông giá 4\$. Hỏi diện-tích thửa ruộng là bao nhiêu ha ?
4. Trên một bản-đồ Nam-phần Việt-Nam diện-tích đo được 0 m<sup>2</sup>, 2560. Hãy nhân số đó với 500.000 rồi tính xem được bao nhiêu mẫu tây ?
5. Trên một thửa đất hình bình-hành, chiều năm 125 m, chiều cao 45 m, có một lối đi theo chiều năm ; lối đi rộng 3 m, 4. Tìm diện-tích chỗ đất ở hai bên lối đi rồi tính ra sào tây.

## CHƯƠNG IV

### 21. Ý-niệm về trọng-lượng và tìm trọng-lượng

ĐƠN-VỊ CÂN-BẢN : GAM – ĐƠN-VỊ CHÁNH:KILO-GAM

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1. Ý-niệm về trọng-lượng và tìm trọng-lượng

- Em đặt cây viết chì trên bàn tay, cây viết chì dè nhẹ trên bàn tay.
- Em đặt cục đá trên bàn tay, cục đá dè nhẹ trên bàn tay. Bút chì và cục đá đều có sức nặng (hoặc gọi là trọng-lượng). Mọi vật đều có một trọng-lượng.
- Em nhắc cây viết chì một cách dễ-dàng ; cây viết chì nhẹ.



- Em nhắc cục đá một cách khó khăn hơn ; cục đá nặng.
- Bút chì nhẹ hơn cục đá ; cục đá nặng hơn bút chì.
- Em đã ước-lượng trọng-lượng của bút chì và của cục đá ; nhưng bút chì, cục đá nặng bao nhiêu ? — Muốn biết đích-xác trọng-lượng của bút chì, cục đá hoặc một vật khác thì phải cân. Muốn cân thì phải dùng cái cân và quả cân.

2. Gam và Kilo-gam

Trong việc tìm trọng-lượng của một vật, người ta dùng cân và những quả cân. Những quả cân được chế-tạo căn-cứ



vào cái gốc là Gam lấy làm đơn-vị cân-bản và Kilo-gam lấy làm đơn-vị chính thông-thường.

**GHI NHỚ :** Tìm coi một vật nặng hay nhẹ là tìm trọng-lượng của nó. Gam là đơn-vị cân-bản, kilo-gam là đơn-vị chính dùng trong việc tìm trọng-lượng của một vật. Gam viết tắt là g. Kilo-gam viết tắt là kg.

#### BÀI TẬP

1. Cho nhắc lại ý-niệm về trọng-lượng và tìm trọng-lượng với thí-dụ khác với bài giảng.
2. Một người ốm mỗi ngày dùng 4 lần, mỗi lần 1 viên thuốc nặng  $\frac{1}{2}$  gam. Hỏi mỗi ngày người ấy dùng mấy gam thuốc.
3. Má tôi mua 4kg thịt heo , mỗi kg giá 85\$. Tìm số tiền má tôi phải trả.

#### TOÁN ĐỒ

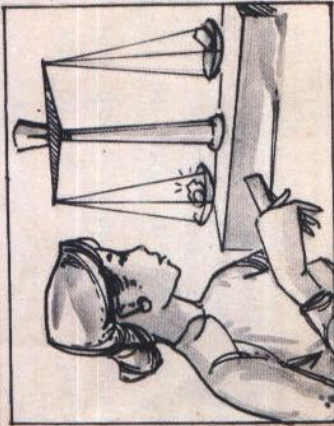
1. Chị Hồng mua 5 trăm gam rau, mỗi trăm giá 8\$,50 và 2 kg thịt bò giá 75\$ một kg. Chị Hồng có 200\$. Hỏi chị còn lại bao nhiêu ?
2. Một h/ lúa cân nặng 60 kg ; mỗi kg giá 6\$,25. Anh Bảy đã bán 5 h/,4 lúa. Hỏi anh thu được bao nhiêu tiền ?

## 22. Ước-số của Gam

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



Ông dược-sĩ này cân thuốc Âu-Mỹ bằng những quả cân lá: 1 dg, 5 cg.



Bà chủ tiệm vàng này cân chiếc cà-rá bằng những quả cân lá: 2 dg, 5 mg.

Dg, cg, mg đều là những ước-số của Gam.

GHI NHỚ: 1 gam = 10 déci-gam

Gam có những ước-số sau đây:

Tên đơn-vị	viết tắt là	bằng	Trị-số ra gam
Déci-gam	dg	10 cg	$\frac{1}{10}$ g ... 0g,1
Centi-gam	cg	10 mg	$\frac{1}{100}$ g ... 0g,01
Mili-gam	mg		$\frac{1}{1.000}$ g ... 0g,001

— Những ước-số của gam đều hơn nhau hoặc kém nhau 10 lần.

### BÀI TẬP

1. Tại sao người ta thường dùng những ước-số của gam trong việc cân thuốc, cân vàng, cân ngọc, kim-cương (hột xoàn) v.v..
2. Mỗi con số trong số 2g,096 chỉ những đơn-vị nào ?
3. Gấp đôi, gấp ba những số sau đây rồi tính ra gam :  
20 dg, 70 cg, 1.500 mg.
4. Thêm hoặc bớt trong những số sau đây để cho thành ra 5 déci-gam : 2g ; 1g,08 ; 90 cg ; 800 mg.

### TOÁN ĐỒ

1. Em Bình bị cúm, má em cho uống 2 gói thuốc, một gói  $\frac{1}{2}$  gam và một gói  $\frac{1}{3}$  gam. Hỏi tất cả hai gói thuốc nặng mấy déci-gam ?
2. Một tiệm thuốc có 5.000 gam thuốc tím, đem gói một nửa số thuốc thành những gói 10 gam ; còn lại thành những gói 2g,5. Hỏi tất cả được bao nhiêu gói thuốc tím ?



## 23. Bội-số của Gam và của Kilo-gam

NHÂN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :



Bà bán hoa quả này cân 1 Kí Con thỏ này nặng bao nhiêu kg?  
rưỡi (1 kg 5hg) sấu riêng.

- Héc-to-gam, kilô-gam đều là những bội-số của gam.
- Khi cân những thứ như gạo, củi, than v.v... người ta thường tính ra tạ. Tạ bằng 100 kg, tạ là 1 bội-số của kg.

GHI NHỚ : — Gam có những bội-số sau đây :

Tên đơn-vị	viết tắt	Tri-số ra gam
Đeca-gam	dag	10 g
Hecto-gam	hg	100 g
Kilo-gam	kg	1.000 g
— Kilo-gam có 2 bội-số là :		
Tạ	q	100 kg
Tấn	t	1.000 kg

— Những bội-số và ước-số của gam và của kilô-gam theo hệ-thống thập-phân.

Lời chú: Chữ q do tiếng Pháp quintal mà có. Quintal = 100kg.

## BÀI TẬP

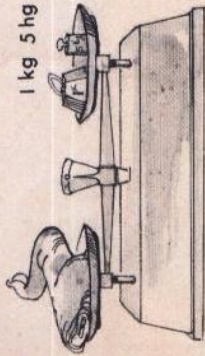
1. Khi cân heo, cân gạo, cân than... người ta thường dùng những đơn-vị đo-lường nào? Nói tại sao?
2. Trong số 2.354 g, 87, mỗi con số chỉ những đơn-vị nào?
3. Những bội-số và ước-số của gam đều theo hệ-thống nào? Nghĩ là thế nào?
4. Một tạ than cây giá 480\$. Tìm giá 1 kg, 10 kg, 50 kg.

## TOÁN ĐỒ

1. Di Huệ mua 1 tạ  $\frac{1}{2}$  than cây giá 480\$ một tạ. Chủ vựa bớt cho 15\$. Hỏi di Huệ còn phải trả bao nhiêu tiền?
2. Anh Bảy dùng dây kẽm gai rào vườn dài 40m, rộng 24m. Anh rào 3 lượt. Hỏi anh phải mua bao nhiêu kg kẽm gai, biết 1 m dây kẽm nặng 2 héc-to-gam?

## 24. Cách đọc và viết những số ghi trọng-lượng

### 1. Cách đọc những số ghi trọng-lượng.



- Cái cân heo này cân nặng 1 kg 5 hg tức là 1 kg, 5.
- 1 kg, 5 đọc là : 1 kg, 5 hg, hoặc là 15 hg, (cũng đọc là 1 kí rưỡi).
- Thí-dụ khác: 45 g, 27 đọc là 45 g 27 cg hoặc là 4.527 cg.

### GHI NHỚ :

- Muốn đọc một số ghi trọng-lượng :
- Nếu số đó là một số nguyên thì đọc như số nguyên ;
- Nếu số đó là một số thập-phân thì đọc số nguyên kèm theo tên đơn-vị, rồi đọc phần thập-phân kèm theo tên đơn-vị của con-số cuối cùng.

### 2. Cách viết những số ghi trọng-lượng.

- Thí-dụ 1 : Lấy gam làm đơn-vị chính : 3 dag 8 dg viết là 30g, 8.
- Thí-dụ 2 : Lấy kg làm đơn-vị chính : 450 g viết là 0 kg, 450.
- Trong thí-dụ 1, đơn-vị g bị thiếu, phải thay bằng 1 con số 0, trong thí-dụ 2, đơn-vị kg bị thiếu, phải thay bằng 1 con số 0.

- GHI NHỚ :** — Muốn viết một số ghi trọng-lượng thì viết số nguyên kèm theo tên đơn-vị chính, rồi viết phần thập-phân với đủ các bậc đơn-vị kể từ bậc của con số cuối cùng.  
Đơn-vị nào thiếu thì thay bằng 1 con số 0.

### TÓM TẮT

Bội-số		Lấy làm đơn vị chính		Ước-số	
kg	hg dag	g		dg	cg mg
2	8 0	0			
	6.	0		0	7 9

- Đọc là : 2kg 8 hg hoặc : 28 hg.  
ódag 7cg 9mg hoặc : 60.079 mg.
- Viết là : 2.800g và 60g,079.

### BÀI TẬP

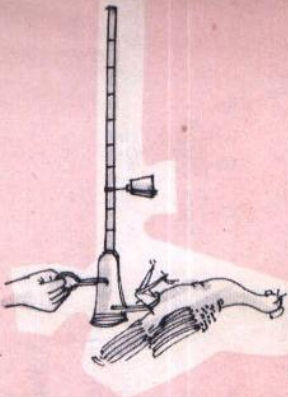
1. Đọc ra gam những số sau đây :  
2 kg ; 4 hg ; 12dag,5 ; 17 dg ; 200 g ; 45.000 mg.
2. Viết những số sau đây ra kg :  
8.000 dg ; 46 hg ; 45.000 cg ; 24 dag ; 3 tạ ; 2 tấn.
3. Một thân cây cân nặng 5 tạ ; người ta xẻ ra từng khúc 25 kg thì được bao nhiêu khúc ?

### TOÁN ĐỒ

1. Em cân nặng 29 kg ; bạn em nặng hơn em 5 hg. Hỏi cả hai người cân nặng bao nhiêu kg ?
2. Nhà máy xay Hóa-Sơn xay 7 tấn lúa. Xay 1 tạ lúa thì được 72 kg gạo. Bán mỗi tạ gạo được 820\$. Hỏi bán hết số gạo xay ra thì nhà máy thu được bao nhiêu tiền ?

## 25. Học ôn

- Muốn biết con gà này nặng hay nhẹ, em làm cách nào? Cách nào chính-xác hơn?



- Kể những ước-số và những bội-số của gam.
- Những bội-số và ước-số của gam theo hệ-thống nào? Hãy giải-thích, rồi cho một vài thí-dụ.

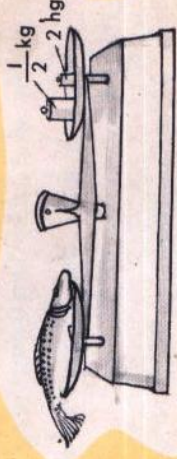
### TOÁN ĐÓ

- Chị Năm mua 3 tạ  $\frac{1}{2}$  than, mỗi tạ 840\$; tiền thuê chở về tốn 30\$. Hỏi chị Năm phải tiêu tất cả bao nhiêu tiền?
- Tiệm An-Hóa buôn 60 bao bắp, mỗi bao cân nặng 75 kg; vì để lâu nên bắp bị hư mỗi bao mất 5 hg. Hỏi chỗ bắp còn lại cân nặng bao nhiêu tạ?
- Một toa xe lửa chỉ chở được 8 tấn hàng. Người ta xếp lên toa 105 phiến gang, mỗi phiến nặng 84 kg. Như vậy có nặng quá không? Nếu có thì nặng quá bao nhiêu kg?
- Má em mua 2 kg 5 hg thịt heo, giá 8\$ 2 một trăm (tức 1 hg) và  $\frac{1}{2}$  kg rau đậu giá 12\$ một kg. Tính xem má em phải tiêu bao nhiêu tiền?
- Gia-đình anh Bá có 5 người, trung-bình mỗi người ăn một tháng hết 9 kg gạo. Gần cuối tháng đó có thêm một người bạn ở chơi nên ăn hết thêm 2 kg gạo nữa. Vợ anh Bá mua 1 tạ gạo từ đầu tháng thì cuối tháng còn lại bao nhiêu kg?

## 26. Đơn-vị trong những số ghi trọng-lượng

### NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN:

- Đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn



- Con cá này cân nặng bao nhiêu kg?  
..... 0 kg, 70

$$5 \text{ hg} + 2 \text{ hg} = 7 \text{ hg} = 0 \text{ kg}, 70$$

- Thí-dụ khác: Đổi 3.865 gam ra kilô-gam.

Từ bên phải sang bên trái, em đọc: 5 gam 6 dag 8 hg 3 kg;  
em viết: 3.865 g = 3 kg, 865.

Em đặt dấu phẩy ngay sau con số 3 là con số ghi đơn-vị kg lấy làm đơn-vị chính.

Em đã dịch dấu phẩy 3 hàng từ phải sang trái.

- Đổi 7 cg ra gam.

Em đọc: 7 cg 0 dg 0 g; Em viết: 7 cg = 0 g 07.

Đơn-vị dg không có, em thay bằng 1 con số 0; đơn-vị g cũng không có, em cũng thay bằng 1 con số 0.

Em đặt dấu phẩy ngay sau con số 0 ghi đơn-vị g lấy làm đơn-vị chính. Em đã dịch dấu phẩy 2 hàng từ phải sang trái.

**GHI NHỚ:** Muốn đổi đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn hơn 10, 100, 1.000 lần thì dịch dấu phẩy từ phải sang trái 1, 2, 3 hàng.

Đơn-vị nào thiếu thì thay bằng 1 con số 0.

2) Đòi đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ

Thí-dụ 1: Đòi 5 kg 3 hg ra gam.

Em đọc: 5 kg 3 hg 0 dag 0 g; Em viết: 5 kg 3 hg = 5.300 g.

Em đã thay đơn-vị dag thiếu bằng 1 con số 0, đơn-vị g thiếu bằng 1 con số 0.

Thí-dụ 2: Đòi 2 kg, 0765 ra gam.

Em đọc: 2 kg 0 hg 7 dag 6 g 5 dg;

Em viết: 2 kg, 0765 = 2.076 g, 5. Em đã dịch dấu phẩy

3 hàng từ trái sang phải.

**GHI NHỚ:** Muốn đổi đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ hơn 10, 100, 1.000... lần thì dịch dấu phẩy từ trái sang phải 1, 2, 3... hàng.

Đơn-vị nào thiếu thì thay bằng 1 con số 0.

#### BAI TẬP

- X 1. Đòi ra g: 5 kg; 10 hg; 15 dag; 60 dg; 500 cg; 5000 mg.  
X 2. Đòi ra kg: 75.000 mg; 607.000 cg; 80.100 dg; 70 dag 90; 45.000hg; 3 tạ; 1 tấn  $\frac{1}{2}$   
X 3.  $\frac{1}{2}$  kg cộng với  $\frac{1}{2}$  hg cộng với  $\frac{1}{2}$  dag = .... (?) gam.

#### TOÁN ĐỒ

- X 1. Tiệm Đông-Phú buôn 1 tấn  $\frac{1}{2}$  gạo, giá 720\$ một tạ. Tiền chuyên-chở tốn 200\$. Nếu bán được 786\$ một tạ thì được lãi bao nhiêu tất cả?  
X 2. Một xe vận-tải sức chở được 4 tấn, hiện đã chở sẵn 600 viên gạch, mỗi viên nặng 2 kg, 5. Hỏi xe còn có thể chở được bao nhiêu bao xi-măng nữa, biết 1 bao nặng 50kg.

## 27. Kilo-gam và những đơn-vị thực-tại về trọng-lượng

### NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

#### 1. Kilo-gam



Quả cân này bằng đồng thau.

Quả cân này bằng gang.

2. Loại quả cân bằng đồng thau: hình khối viên trụ, trên có núm để cầm, gồm có những quả: 5 kg, 2 kg, 1 kg

5 hg, 2 hg, 1 hg

5 dag, 2 dag, 1 dag

5 g, 2 g, 1 g

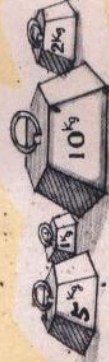


3. Loại quả cân bằng gang: hình thân tháp, mặt trên có quai tròn để xách, có thứ đáy hình chữ nhật (50kg, 20kg); có thứ đáy hình lục-lăng. Những quả cân bằng gang gồm có những quả:

50 kg, 20 kg, 10 kg, 5 kg, 2 kg, 1 kg,

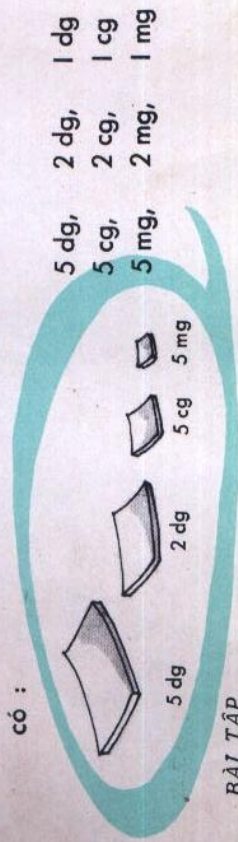
5 hg, 2 hg, 1 hg

5 dag



4. Loại cân lá bằng đồng, nhôm, kền hoặc bạc v.v...: Hình vuông, mỏng, cắt 4 góc hoặc uốn cong một góc. Những quả cân này dùng để cân những được-phẩm, những chất hóa-học, những loại kim quý v.v... Loại quả cân này gồm

có :



BÀI TẬP

1. Vẽ vào vở : quả kg bằng đồng, quả kg bằng gang;
2. Quả kilô-gam đồng có gì khác quả kilô-gam gang.
3. Có mấy loại quả cân, hãy kể ra và nói mỗi loại thường được dùng để cân gì ?

TOÁN ĐO

1. Một ông hàng thịt cân một đùi heo kê cả xương. Ông đã dùng những quả cân sau đây : 20 kg, 3 hg. Tìm tiền bán đùi heo, biết đồ đồng cả thịt lẫn xương giá 65\$ một kilô-gam.
2. Tiệm Nam-Hà buôn 3 thùng xà-bông, thùng thứ nhất cân nặng 72 kg; thùng thứ nhì kém thùng thứ nhất 4 kg, 5; thùng thứ ba hơn thùng thứ nhất 8 kg. Tìm trọng-lượng tổng-cộng.

232

BÀI TẬP

1. Vẽ sơ-lược vào vở : cân xách, cân đĩa (Roberval).
2. Kể các loại cân.
3. Trong những cái cân có hình vẽ ở trên, em thường trông thấy những cái nào ? Dùng để cân gì ?

TOÁN ĐO

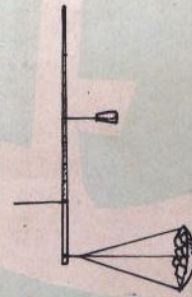
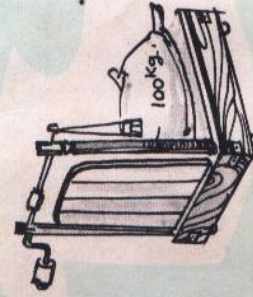
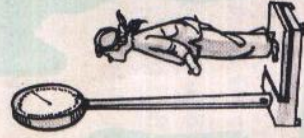
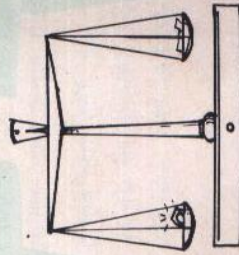
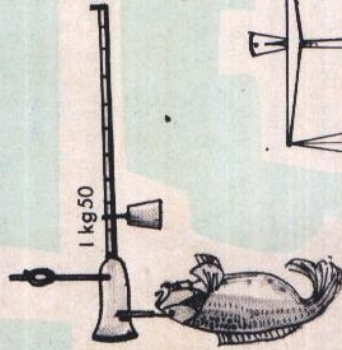
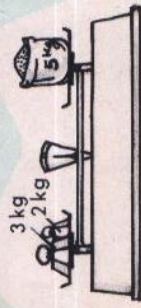
1. Muốn làm bánh ngọt, má em dùng 200 g bột mì, 1 hg bơ, 2 hg đường cát và 2 dag sữa với 3 cái hạt gà, mỗi hạt nặng 5 dag. Hỏi cái bánh nặng bao nhiêu gam ?
2. Khi đi Đà-lạt nghỉ mát, em Thu cân nặng 27 kg, 85; khi trở về tăng được 1 kg, 3; nhưng về được vài ngày em bị đau nên sụt đi mất 500 gam. Hỏi em Thu còn nặng bao nhiêu kg ?

Lời chú : Cũng còn vài loại cân nữa không kể ra đây.

233

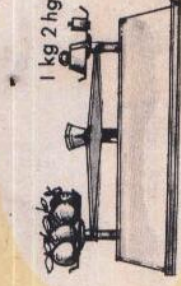
## 28. Các loại cân

Tả sơ-lược mỗi loại cân có hình dưới đây :



## 29. Bài thực-tập : Cách dùng cân đĩa (cân Roberval)

Cách dùng cân : Muốn dùng cân đĩa thì đặt vật vào một đĩa cân, rồi đặt vào đĩa bên kia những quả cân nhỏ dần cho tới khi nào kim chỉ số 0 thì thôi (tức là ngang bằng).



Cộng trọng-lượng các quả cân thì được trọng-lượng của vật cân.

Thực tập : Cân cuốn sách, viên gạch v v . . . ; chậu nước, chai nước v v . . .

### TOÁN ĐO

- Muốn cân một miếng thịt chú Quay đã dùng 3 quả cân :  $\frac{1}{2}$  kg, 2 hg và 5 dag. Thịt giá 120\$ một kg. Tính giá bán miếng thịt.
- Một chiếc ghe chở 75 bao bắp, mỗi bao 1 h/5; một h/ bắp cân nặng 72 kg. Hỏi chỗ bắp nặng bao nhiêu tạ ?

### 30. Bài thực-tập : Dùng cân xách



Cách dùng : Muốn cân một vật bằng cân xách thì đặt vật ấy vào đĩa cân hoặc móc vào móc cân ; cầm dây xách rồi xê-dịch quả cân cho tới khi cân cân ngang bằng. Lúc ấy, đọc số kg, hg ở chỗ mà dây quả cân chạm vạch cân cân.

Thực-tập : Cho học-sinh cân một gói đồ, một cái bánh (có lát buột, để có thẻ móc được) v ...

#### TOÁN ĐO

- Một thùng chứa đầy dầu cân nặng 22 kg, 5. Thùng trống cân nặng 2 kg, 5. Nếu mức bớt đi 3 kg, 5 dầu thì chỗ dầu còn lại nặng bao nhiêu gam ?
- Một thùng đầy nước cân nặng 20kg,5. Người ta múc bớt  $\frac{1}{3}$  nước đi thì thùng và nước chỉ còn nặng 1.545 dag. Hỏi nước còn lại nặng bao nhiêu kg ? Thùng trống nặng bao nhiêu kg ?

### 31. Sự liên-lạc giữa trọng-lượng và dung-tích của nước « 4° »

#### NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

— 1 lít nước lã trong cân nặng 1 kg.

$$(1\text{ l} = 1\text{ kg})$$

— Suy ra thì thấy :  
10 l. (1 da) nước cân nặng 10 kg.

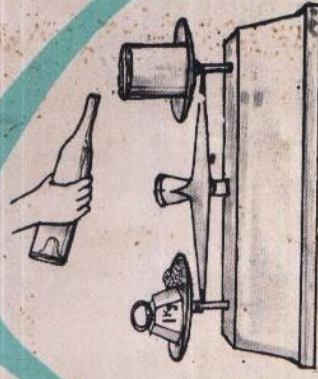
100 l. (1 hl) nước cân nặng 100 kg.

và : 1 dl (0l, 1) nước cân nặng 0 kg, 1 = 100 g.

1 cl (0l, 0l) nước cân nặng 0 kg, 0l = 10 g.

1 ml (0l, 00l) nước cân nặng 0 kg, 00l = 1 g.

Tóm tắt : Các đơn-vị dung-tích và đơn-vị trọng-lượng có liên-lạc tương-đương với nhau.



Dung-tích	Bội-số		đơn-vị chính	Ước-số	
	h/	da/		l	cl
Trọng-lượng	tạ	10kg	kg	hg	dag
				ml	g

**BAI TẬP**







- Thực-hành : — Cân một cái thùng trống.  
— Đổ 2 lít nước vào thùng rồi cân lại.  
— Kiểm-soát xem có phải 2 lít nước lã cân nặng 2 kg không ?  
— Nếu thấy không đúng thì nói tại sao ?
- Đòi ra lít : 6 kg ; 500 g ; 15 dag ; 180 cg ; 50.000 mg.
- Đòi ra kg : 3 l ; 2 h, 5 ; 30 dl ; 200cl ; 805 ml.

**TOÁN ĐO**




- Một thùng chứa 18 lít dầu, mỗi lít nặng 900 g. Tìm trọng-lượng của dầu tính ra kg.
- Một thùng chứa nước tới  $\frac{1}{3}$  thì được 0 h, 08. Đẻ đầy nước thì cân nặng 34 kg kể cả thùng. Hỏi thùng trống cân nặng bao nhiêu ?

**32. Học ôn**

- Thực-tập : Cân một vật đặc, thí-dụ viên gạch ; một vật lỏng, thí-dụ nước đựng trong chai.
- Điền vào những ô trống dưới đây :

Vật						
muốn cân thì dùng	cân xách	?	?	?	?	?

- Trả lời :

Quả cân này			
ché-tạo bằng	?	?	?



1. Một thùng dầu nặng 10 kg, 75, thùng trống cân nặng 1 kg, 75. Tìm dung-tích thùng biết 1 lít dầu nặng 0 kg, 9.
2. Trong một cơn mưa bắt đầu từ 9 giờ đến 10 giờ 15 ph, nước mưa chảy đầy một hồ dung-tích 4 hl, 5. Tìm trọng-lượng nước mưa chảy vào hồ trong 1 giờ.
3. Một hộp sữa cân nặng 435 gam, hộp trống cân nặng 55 gam. Tìm trọng-lượng của sữa chứa trong một thùng có 48 hộp.
4. Một thùng chứa 18 lít dầu, mỗi lít cân nặng 0 kg, 9. Dầu được đóng vào chai 0 l, 25 ; mỗi chai bán được 2\$, 50. Tìm số tiền bán dầu. **160\$ 00**
5. Một thùng đầy nước cân nặng 120 kg ; thùng trống cân nặng 15 kg. Hiện thùng có chứa dầu đầy tới  $\frac{4}{5}$  thùng. Tìm giá chỗ dầu ấy biết 1 lít dầu giá 6\$.

## PHẦN THỨ BA

# HÌNH HỌC

và vẽ hình học

CHƯƠNG I : Hình vuông,  
hình chữ nhật, hình bình hành

CHƯƠNG II : Hình thoi, hình  
tam giác, hình thang

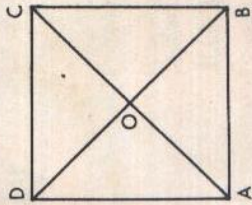
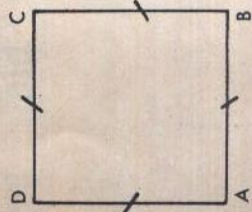
CHƯƠNG III : Hình đa giác,  
hình tròn, hình vành khăn

CHƯƠNG I

1. Hình vuông

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN:

- Tý nhận-xét một viên gạch vuông. Tý đếm số cạnh của viên gạch, em thấy có 4 cạnh : AB, BC, CD, DA. Tý đo các cạnh, thấy mỗi cạnh dài 2dm, tức là các cạnh bằng nhau. Em thấy : Hình vuông là một hình tứ-giác có 4 cạnh bằng nhau.

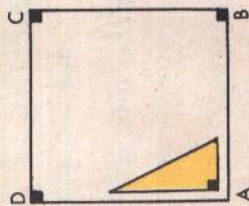


- Tý vẽ hai đường chéo AC và BD rồi đo thì thấy  $AC = BD$ . Tý đo AO và OC thì thấy  $AO = OC$ . Tý đo BO và OD thì thấy  $BO = OD$ .

Em thấy : Hình vuông có 2 đường chéo bằng nhau và cắt nhau ở đúng giữa.

- Tý dùng ê-ke kiểm lại 4 góc của hình vuông.

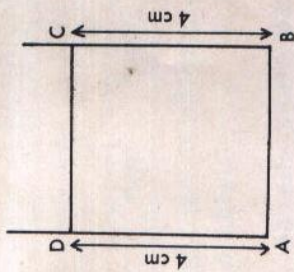
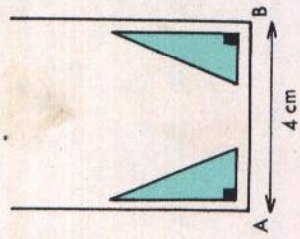
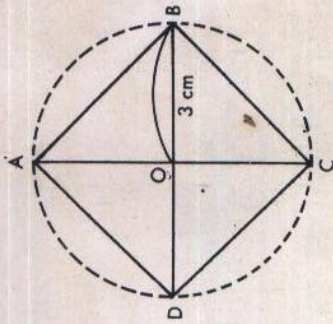
Em thấy : Hình vuông có 4 góc vuông  $\widehat{A} = \widehat{B} = \widehat{C} = \widehat{D}$ .



**GHI NHỚ :** Hình vuông là một hình tứ-giác có bốn cạnh bằng nhau và bốn góc vuông.  
Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau ở đúng giữa.

BÀI TẬP

- Dùng com-pa và đê-xi-mét-đôi vẽ một hình vuông đường chéo 6 cm.  
Cách vẽ : Vẽ một vòng tròn, bán-kính OB bằng 3 cm, kẻ 2 đường kính AC và DB thẳng góc với nhau.

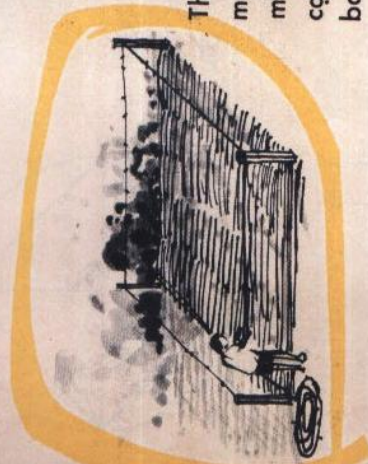


- Dùng ê-ke và đê-xi-mét-đôi vẽ một hình vuông cạnh bằng 4 cm.

Cách vẽ : Kẻ cạnh AB bằng 4 cm rồi dùng ê-ke kẻ đường  $AD = BC = 4$  cm, sau cùng nối DC.

## 2. Tìm chu-vi hình vuông (biết cạnh) Tìm cạnh hình vuông (biết chu-vi)

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :



Thí-dụ 1 : Ông Lý muốn căng một dây kẽm bao quanh một miếng đất hình vuông mỗi cạnh 5 m. Hỏi dây kẽm dài bao nhiêu ?

$$5\text{m} + 5\text{m} + 5\text{m} + 5\text{m} = 5\text{m} \times 4 = 20\text{m}$$

Suy-luận : Dây kẽm bao quanh vườn dài bằng 4 lần chiều dài một cạnh.

**GHI NHỚ :** Muốn tìm chu-vi hình vuông thì nhân cạnh với 4.  
Chu-vi = cạnh  $\times$  4

Thí-dụ 2: Muốn căng một dây kẽm bao quanh miếng đất hình vuông, ông Lý đã phải dùng 20 m dây kẽm. Tính chiều dài cạnh hình vuông.

Suy-luận : Dây kẽm dài bằng 4 cạnh.  
Vậy 1 cạnh dài :  $20\text{m} : 4 = 5\text{m}$ .

**GHI NHỚ :** Muốn tìm cạnh hình vuông mà biết chu-vi thì chia chu-vi cho 4.

### BÀI TẬP

1. Chép và bổ-túc bảng dưới đây :

Cạnh hình vuông	15 cm	25 cm	35m	45 m	56 m	68 m	75 m
Chu-vi	?	?	?	?	?	?	?
Chu-vi	48 cm	60 cm	72m	88m	96m	120m	160m
Cạnh	?	?	?	?	?	?	?

2. Chị Hai muốn viền xanh 20 chiếc khăn hình vuông cạnh 4 dm. Hỏi chị phải mua bao nhiêu mét viền xanh ?

3. Chú tôi muốn đóng cọc bao quanh một thửa vườn hình vuông rồi căng 5 vòng dây kẽm bao quanh vườn qua các cọc. Biết cạnh vườn bằng 20 m. Hỏi chú tôi phải mua bao nhiêu mét dây kẽm nếu nút buộc cần 2 m ?.

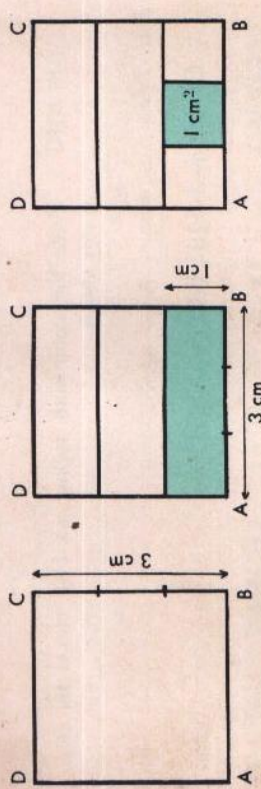
### TOÁN ĐỒ

1. Muốn rào dây kẽm quanh một miếng đất hình vuông, cạnh 32 m, ông Nam mua dây kẽm, mỗi mét giá 2\$, 5. Hỏi ông Nam tiêu hết bao nhiêu tiền ?

2. Chú Sáu rào chung quanh một cái vườn hình vuông tốn hết 1.800\$, mỗi mét rào tốn 20\$. Cửa vườn rộng 2 m. Tìm chu-vi cái vườn.

### 3. Diện - tích hình vuông

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



1. Chia cạnh AD và BC của hình vuông làm 3 phần đều nhau mỗi phần 1 cm.
2. Nối những điểm phân chia đối diện sẽ được 3 băng mỗi băng dài 3 cm và rộng 1 cm.
3. Mỗi băng có thể chia làm 3 phần đều nhau, mỗi phần là 1 cm<sup>2</sup>. Vậy mỗi băng có 3 cm<sup>2</sup>.
4. Cả hình vuông ABCD gồm mấy băng như vậy? (3 băng).  
 Vậy diện - tích hình vuông bằng 3 lần 3 cm<sup>2</sup> tức là  $3 \text{ cm}^2 \times 3 = 9 \text{ cm}^2$  hay là  $3 \text{ cm} \times 3 \text{ cm} = 9 \text{ cm}^2$  (cạnh  $\times$  cạnh)

**GHI NHỚ :** Muốn tìm diện-tích hình vuông thì nhân cạnh với cạnh.

$$\text{Diện-tích} = \text{cạnh} \times \text{cạnh}$$

$$\left. \begin{array}{l} \text{cm} \times \text{cm} = \text{cm}^2 \\ \text{dm} \times \text{dm} = \text{dm}^2 \\ \text{m} \times \text{m} = \text{m}^2 \end{array} \right\} \text{Chú ý:}$$

### BÀI TẬP

1. Chép và bổ-túc bảng dưới đây :

Cạnh hình vuông	15m	25m	35m	45m	55m	65m	75m	85m	95m
Diện-tích	?	?	?	?	?	?	?	?	?

2. Trong một tờ giấy màu rộng 100 cm<sup>2</sup>, trò Đông cắt lấy một hình vuông cạnh 7 cm. Tìm diện-tích hình vuông; diện-tích miếng giấy màu còn lại.

### TOÁN ĐỒ

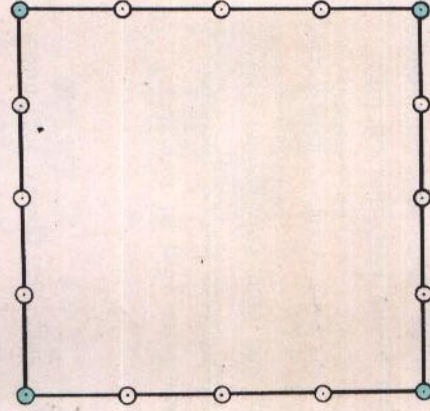
1. Chú Ba mua một miếng đất hình vuông cạnh dài 15 m giá 1 m<sup>2</sup> là 800\$. Tính giá mua miếng đất.
2. Nhà tôi có 5 cửa sổ, mỗi cửa sổ có lắp 12 miếng kính vuông cạnh bằng 20 cm. Tính diện-tích tổng-cộng của những miếng kính.
3. Ông Bá thuê sơn một cái trần nhà hình vuông cạnh 4 m, cứ mỗi m<sup>2</sup> tiền sơn hết 10\$. Ở bốn phía sát tường thợ sơn còn kẻ thêm một đường sơn viền, mỗi mét sơn viền hết 2\$. Tìm số tiền chi phí.

## 4. Học ôn: hình vuông

### NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN:

Ứng-dụng: Tìm số cọc, số cây trồng chung quanh vườn hoặc đất hình vuông, số cọc, số cây ở mỗi cạnh.

*Thí-dụ 1:* Ở mỗi cạnh một thửa đất hình vuông, người ta đóng 5 cái cọc cách đều nhau. Tìm số cọc cần dùng.



*Nhận-xét:* Coi hình vẽ bên đây: Dùng 4 ngón tay bịt 4 cọc (4 cái chấm) ở đầu 4 góc đi, sẽ thấy rằng mỗi cạnh chỉ còn 3 cọc. Tạm bỏ 4 cọc ở 4 đầu góc thì số cọc ở 4 cạnh là:  $3 \text{ cọc} \times 4 = 12 \text{ cọc}$ . Thêm vào 4 cọc ở đầu 4 góc thì được  $12 \text{ cọc} + 4 \text{ cọc} = 16 \text{ cọc}$ . Tóm lại: ở mỗi cạnh bớt đi 2, đem nhân với 4 rồi cộng thêm 4 thì sẽ được tổng-số.

**GHI NHỚ:** Muốn tìm số cọc quanh hình vuông thì lấy số cọc ở mỗi cạnh trừ bớt 2, rồi nhân với 4, sau cùng cộng thêm 4 cọc ở đầu góc.

*Thí-dụ 2:* Số cọc đóng cách đều nhau quanh một miếng đất hình vuông được 16 cọc. Hỏi số cọc đóng ở mỗi cạnh.

*Nhận-xét:* Đây là bài tính ngược lại bài tính thứ nhất. Hãy coi lại hình vẽ ở thí-dụ 1 sẽ thấy mỗi cạnh có 5 cọc. Vậy phải giải bài tính này cách nào?

Trước hết các em hãy dùng 4 ngón tay bịt 4 cọc ở đầu góc đi. Các em sẽ thấy số cọc còn lại là 16 cọc - 4 cọc = 12 cọc. Số 12 cọc này được chia làm 4 phần đều. Mỗi phần tức mỗi cạnh có:

$$12 \text{ cọc} : 4 = 3 \text{ cọc}$$

Cộng thêm 2 cọc ở hai đầu góc là:

$$2 \text{ cọc} + 3 \text{ cọc} = 5 \text{ cọc.}$$

**GHI NHỚ:** Muốn tìm số cọc ở mỗi cạnh thì phải lấy số cọc ở 4 cạnh trừ đi 4, rồi chia cho 4, sau cùng cộng thêm 2.

### TOÁN ĐỒ

1. Một người trồng 64 cây cách đều nhau ở 4 cạnh một miếng đất hình vuông. Hỏi mỗi cạnh có mấy cây?
2. Nếu mỗi cạnh một miếng đất hình vuông trồng cây cách đều nhau được 18 cây thì số cây trồng-cộng trồng ở 4 cạnh là bao nhiêu?
3. Ông Bảy có một miếng đất vuông. Ông đóng cọc bao quanh miếng đất, để căng dây kẽm bao quanh. Số cọc cần dùng là 96 cọc. Cọc nọ cách đều cọc kia 2 m. Tính số cọc ở mỗi cạnh và diện-tích miếng đất.

## 5. Hình chữ nhật

### NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

1. Tỷ nhận - xét miêng - kính hình chữ nhật lấp ở cửa sổ.

Tỷ đếm số cạnh miêng kính thấy có hai cạnh dài AB và DC, và hai cạnh ngắn hơn là AD và BC. Tỷ dùng thước dây đo cạnh trên và cạnh dưới. Em thấy: hai cạnh này bằng nhau. AB bằng DC và song song với nhau.

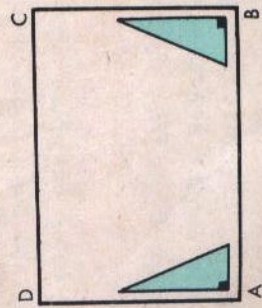
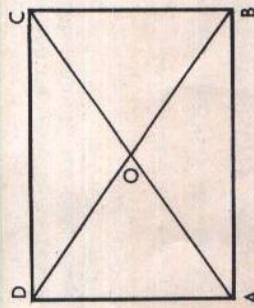
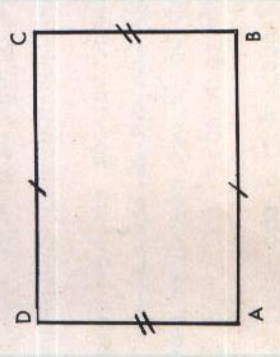
Tỷ đo 2 cạnh ở bên phải và bên trái. Em thấy : hai cạnh này bằng nhau AD bằng BC và song song với nhau.

Tỷ đo 2 đường chéo AC và BD. Em thấy hai đường chéo bằng nhau AC bằng BD.

Tỷ đo AO và OC, DO và OB. Em thấy AO bằng OC, DO bằng OB. Như vậy là hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau ở đúng giữa.

Tỷ dùng ê-ke áp vào góc hình chữ nhật thấy 4 góc, góc nào cũng vuông:

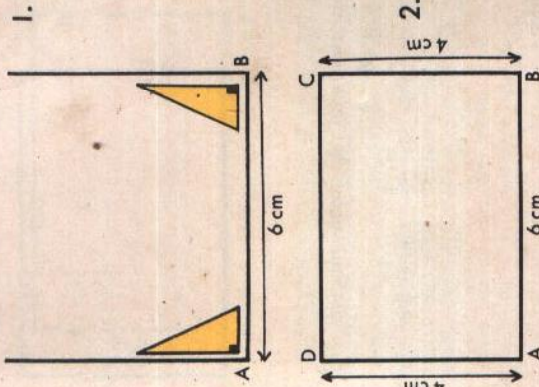
$$\widehat{A} = \widehat{B} = \widehat{C} = \widehat{D} = 90 \text{ độ.}$$



### GHI NHỚ : Hình chữ nhật là một hình tứ-giác có :

- 2 cạnh dài là 2 chiều dài, hai cạnh ngắn là 2 chiều rộng, những cạnh đối-diện đều nhau và song song.
- 4 góc vuông.
- Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau ở đúng giữa.

### BÀI TẬP

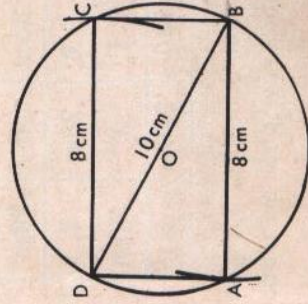


1. Dùng ê-ke và decí-mét-đôi vẽ một hình chữ nhật dài 6 cm rộng 4 cm.

Cách vẽ : Kẻ đường AB dài 6 cm rồi dùng ê-ke kẻ đường thẳng góc xuống A và đường thẳng góc xuống B. Lấy  $AD = 4 \text{ cm}$ , BC bằng 4 cm và nối DC.

2. Dùng com-pa và decí-mét-đôi vẽ một hình chữ nhật biết đường chéo bằng 10 cm và chiều dài bằng 8 cm.

Cách vẽ : Quay một vòng tròn tâm O đường kính DB bằng 10 cm. Lấy D làm tâm, kẻ một cung có bán kính bằng 8 cm ; Lấy B làm tâm, kẻ một cung bán kính bằng 8 cm cung này cắt vòng tròn ở C. Lấy D làm tâm, kẻ một cung bán kính bằng 8 cm cung này cắt vòng tròn ở A. Nối 4 điểm ABCD.



## 6. Chu-vi hình chữ nhật

### NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

$$\text{Dài} + \text{Rộng} = \frac{1}{2} \text{ chu-vi}$$

$$\text{Chu-vi} = (\text{Dài} + \text{Rộng}) \times 2$$

$$\text{Dài} = \frac{1}{2} \text{ chu-vi} - \text{rộng}$$

$$\text{Rộng} = \frac{1}{2} \text{ chu-vi} - \text{dài}$$



**GHI NHỚ :** • Muốn tìm chu-vi hình chữ nhật thì nhân tổng-số chiều dài và chiều rộng với 2.

• Muốn tìm chiều này thì phải lấy  $\frac{1}{2}$  chu-vi trừ bớt chiều kia đi.

### BÀI TẬP

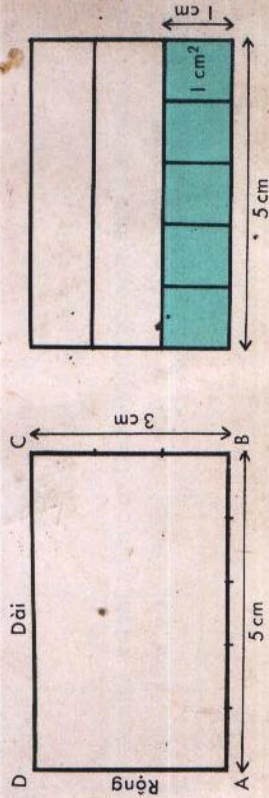
1. Chép và bổ-túc bảng dưới đây:

Chiều dài	60 m	72 m	68 m	86 m	?	98 m
Chiều rộng	45 m	38 m	40 m	?	28 m	?
$\frac{1}{2}$ Chu-vi	?	?	?	?	?	110 m
Chu-vi	?	?	?	240 m	240 m	?

2. Một chiếc khăn tay hình chữ nhật dài 3dm rộng 2dm, 50. Muốn viền 10 chiếc khăn tay như vậy phải mua bao nhiêu mét viền?

## 7. Diện-tích hình chữ nhật

### NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



Hình chữ nhật này dài 5 cm, rộng 3 cm. Chiều rộng được chia làm 3 đoạn đều nhau. Nếu nối những điểm phân chia đối diện sẽ được 3 băng, mỗi băng dài 5 cm và rộng 1 cm. Mỗi băng có thể chia làm 5 phần đều nhau, mỗi phần là 1 cm<sup>2</sup> và mỗi băng là 5 cm<sup>2</sup>. Hình chữ nhật trên gồm mấy băng như vậy ? (3 băng).

Diện-tích của nó = 3 lần 5 cm<sup>2</sup> tức là : 5 cm<sup>2</sup> × 3 = 15 cm<sup>2</sup>  
 hay là : 5 cm × 3 cm = 15 cm<sup>2</sup>  
 (dài) × (rộng)

**GHI NHỚ :** Muốn tìm diện-tích hình chữ nhật thì nhân chiều dài với chiều rộng.  
 Diện-tích = dài × rộng

BÀI TẬP

1. Dùng cái decimét-đôi đo chiều dài, chiều rộng cuốn tập của em, rồi tính diện-tích ra  $\text{cm}^2$ .
2. Chiều dài lớp học của em đo được mấy mét? Chiều rộng đo được mấy mét? Diện-tích đo được mấy mét vuông?

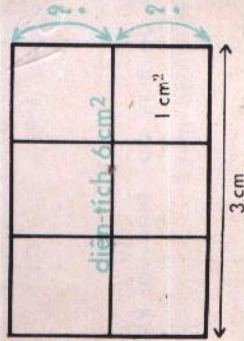
TOÁN ĐỒ

1. Tờ giấy in báo hàng ngày dài 88 cm, rộng 61 cm. Tính diện-tích số giấy cần dùng ra  $\text{m}^2$ , nếu muốn in 5.000 tờ báo.
2. Chu-vi sân trường tiểu-học Mỹ-Lương đo được 180 m. Chiều dài gấp đôi chiều rộng. Giờ chơi có 90 học-sinh nô-giỡn. Hỏi trung-bình mỗi học-sinh chơi trên một khoảng đất là bao nhiêu  $\text{m}^2$ ?

3. Ba tôi mua một miếng đất hình chữ nhật dài 30 m, rộng 20 m. Tiền đất hết 44.800\$, tiền trước-bạ hết 7.200\$. Hỏi mỗi mét vuông đất thành đất thành giá bao nhiêu?

## 8. Tìm chiều của hình chữ nhật

(khi biết diện-tích và chiều kia)



- Trong hình chữ nhật bên trái đây, mỗi bắng theo chiều dài có mấy  $\text{cm}^2$ ? Có mấy bắng giống nhau?
- Em phải làm toán gì để biết rằng có 2 bắng? Em chia số nào cho số nào?

— Vậy muốn tìm một chiều của hình chữ nhật thì chia diện-tích cho gì?

**GHI NHỚ :** Khi chia diện-tích hình chữ nhật cho chiều này thì thấy chiều kia.

Chiều dài = diện-tích : chiều rộng

Chiều rộng = diện-tích : chiều dài

BÀI TẬP

1. Chép và bổ-túc bảng dưới đây:

Diện-tích	: 45 $\text{cm}^2$	200 $\text{cm}^2$	2.700 $\text{m}^2$	3.000 $\text{m}^2$	3.120 $\text{m}^2$	4.550 $\text{m}^2$
Chiều dài	: 9 cm	?	?	75m	60m	?
Chiều rộng	: ?	8cm	45m	?	?	65m



$2700$   
 $30 \times 45$   
 $1050$   
 $2100$   
 $2100 \times 150 = 3150$

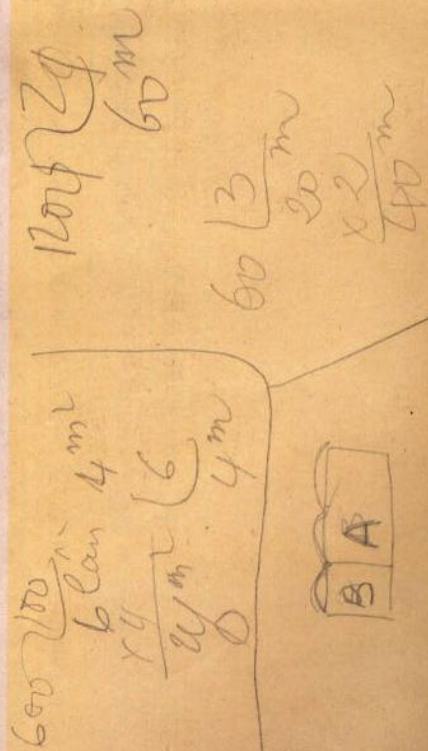
2. Một thửa đất hình chữ nhật diện tích  $2.700 \text{ m}^2$ , chiều dài  $60 \text{ m}$ ; muốn rào chung quanh thì tốn bao nhiêu tiền, nếu mỗi mét rào tốn  $15\%$ .

**Đáp số: 3150**

**TOÁN ĐO**

1. Má em Tuấn cần  $210 \text{ dm}^2$  vải để may áo. Nếu vải khổ rộng  $7 \text{ dm}$  thì bà phải mua bao nhiêu mét?
2. Ông Sáu mua  $600$  viên gạch bông để lót nền nhà hình chữ nhật. Diện tích một trăm viên gạch là  $4 \text{ m}^2$ . Tìm chiều rộng nền nhà, biết chiều dài đo được  $6 \text{ m}$ .
3. Ba tôi có một thửa đất hình chữ nhật diện tích  $1.200 \text{ m}^2$ , chiều rộng  $20 \text{ m}$ . Theo đường song song với chiều rộng, ba tôi chia thửa đất ra làm 2 lô: lô A và lô B. Lô A rộng gấp đôi lô B. Tìm chiều dài lô A. Lô B hình gì?

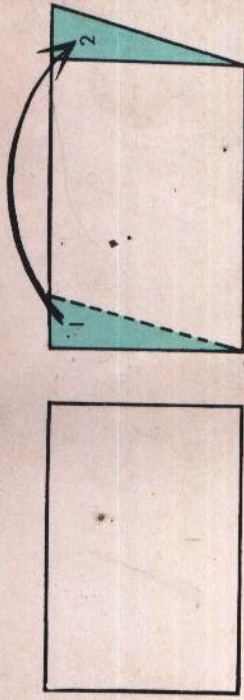
**Đáp số: Lô B =  $20 \text{ m}$ ; Lô A =  $40 \text{ m}$**



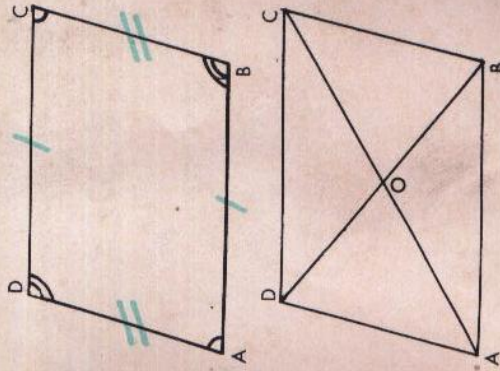
**9. Hình bình hành**

**NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN:**

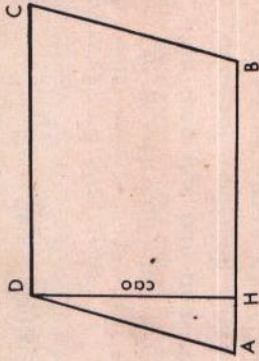
1. Cắt ở hình chữ nhật lấy hình tam giác 1 đặt theo mũi tên sang góc bên phải ta sẽ có một hình bình-hành. Hãy quan-sát xem hình bình-hành khác hình chữ nhật thế nào và nó có những đặc-điểm gì?



2. Nhận-xét và đo cạnh đối-diện của hình bình-hành ta nhận thấy chúng cũng bằng nhau và song song.
3. Nhưng hình bình-hành không có góc vuông như hình chữ nhật. Nó có 2 góc nhọn đối diện bằng nhau và 2 góc tù đối diện bằng nhau.
4. Đo hai đường chéo AC và BD thì thấy không bằng nhau nhưng hai đường chéo cũng cắt nhau ở đúng giữa ( $AO = OC$   $BO = OD$ ).



5. Nếu lấy AB làm đường đáy thì đoạn DH thẳng góc xuống đường đáy AB là chiều cao của hình bình hành.



**GHI NHỚ :**

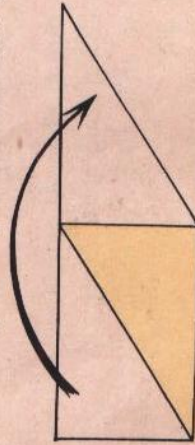
- Hình bình hành là một hình tứ-giác có hai cạnh đối diện bằng nhau và song song.
- 2 góc tù đối diện bằng nhau.
- 2 góc nhọn đối diện bằng nhau.
- 2 đường chéo không bằng nhau nhưng cắt nhau ở giữa.

**BÀI TẬP**

1. Vẽ một hình vuông, và một hình bình hành bằng nhau.



2. Vẽ một hình chữ nhật và một hình bình hành bằng nhau.



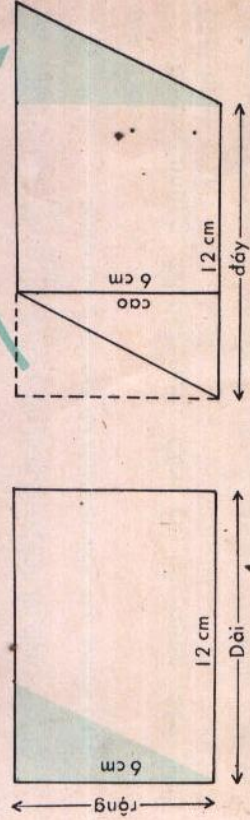
**10. Diện-tích hình bình-hành**

**TÌM ĐƯỜNG ĐÁY, CHIỀU CAO**

**NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :**

1) Tìm diện tích hình bình-hành.

Nếu ta cắt của hình chữ nhật một tam-giác ở góc trái để rời đi sang góc mặt, theo mũi tên, thì ta sẽ được một hình bình-hành.



Hãy so-sánh diện-tích hình bình-hành với diện-tích hình chữ nhật. Hai diện-tích này có thay đổi không? (Không) - Tại sao? (Vì ta chỉ đổi chỗ một miếng của hình chữ nhật mà thôi).

Hãy so-sánh chiều dài của hình chữ nhật với đường đáy của hình-bình-hành: Có khác nhau không?

Hãy so-sánh chiều rộng của hình chữ nhật với chiều cao của hình bình-hành: Có bằng nhau không?

Tóm lại: đường đáy của hình bình-hành tức là chiều dài của hình chữ nhật; chiều cao của hình bình-hành tức là chiều rộng của hình chữ nhật.

Muốn tìm diện-tích hình chữ nhật thì nhân chiều nào với chiều nào? Muốn tìm diện-tích hình bình-hành thì nhân chiều nào với chiều nào?